

Số: 232/BC-UBND

Quảng Thọ, ngày 06 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023, phương hướng nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền;
- Phòng Nội vụ huyện Quảng Điền.

Thực hiện Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh huyện Quảng Điền năm 2023. Ủy ban nhân dân (UBND) xã báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

- Xác định công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và là khâu quan trọng trong tiến trình đổi mới đồng thời thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác CCHC. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 09/01/2023 về cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh xã Quảng Thọ năm 2023. Tại Kế hoạch UBND xã xác định 29 nhiệm vụ trọng tâm trong 07 lĩnh vực của công tác CCHC. Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp, sự chủ động tham mưu của bộ phận liên quan, UBND xã đã triển khai thực hiện khá nghiêm túc và hoàn thành những nhiệm vụ đã đề ra.

2. Văn bản đã ban hành chỉ đạo, điều hành triển khai công tác CCHC

Năm 2023, UBND xã xác định công tác CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh. Theo đó, ngay từ đầu năm UBND xã đã ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực công tác CCHC theo định hướng của tỉnh, huyện và đặc điểm cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, UBND xã đã tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó đã triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành trọng tâm trong công tác CCHC năm 2023; hội nghị chuyên đề tổng kết công tác CCHC năm 2022 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2023; bên cạnh đó,

UBND xã cũng đã ban hành các kế hoạch khác để triển khai công tác CCHC năm 2023 như: Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC; kiểm tra công vụ; kế hoạch đánh giá mức độ hài lòng; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC; kế hoạch CCHC gắn với chính quyền điện tử; kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL ISO 9001:2015 tại xã; kế hoạch chuyển đổi số; kế hoạch kiểm soát TTHC; kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC... và nhiều văn bản khác nhằm triển khai công tác CCHC có hiệu quả tại UBND xã.

- Đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền, nâng cao chỉ số CCHC của xã, chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đến việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 24/01/2023 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức năm 2023, thời gian và nội dung kiểm tra: Thời gian kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức từ ngày 01/02/2023 đến thời điểm kiểm tra. Đến nay UBND xã đã hoàn thành kiểm tra theo kế hoạch đã ban hành.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở năm 2023. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra. Đến nay UBND xã đã hoàn thành kiểm tra theo kế hoạch đã ban hành.

- Mục đích của kiểm tra nhằm Đánh giá đúng tình hình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả sử dụng thời gian làm việc tại cơ quan; chấn chỉnh, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách. Phát hiện và kiến nghị khắc phục những sai sót hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính nâng cao hiệu quả triển khai công tác cải cách hành chính tại UBND xã.

Qua kiểm tra, các bộ phận, công chức liên quan đã thực hiện nghiêm túc Quyết định 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh; niêm yết

đầy đủ các danh mục TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại và trên Trang thông tin điện tử; thực hiện giải quyết các TTHC cho tổ chức, công dân đảm bảo theo thời gian quy định với tỷ lệ giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt trên 99% và hồ sơ trực tuyến đạt trên 63%; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, rà soát để đồng bộ các danh mục TTHC, thực hiện nghiêm việc xin lỗi khi để xảy ra việc trễ hẹn và khảo sát mức độ hài lòng đối với người dân khi giải quyết TTHC. Chế độ thông tin, báo cáo về CCHC, kiểm soát TTHC được thực hiện đảm bảo, kịp thời.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2023 của UBND xã về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023. UBND xã đã thường xuyên chỉ đạo công chức Văn hóa - Xã hội xã phối hợp với các bộ phận liên quan và Đài truyền thanh xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chương trình CCHC nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của xã; phát hiện, nhân rộng các gương tiêu biểu, cách làm hay trong triển khai thực hiện công tác CCHC. Hình thức tuyên truyền được đa dạng hóa thông qua tuyên truyền tại Hội nghị và tuyên truyền thông qua các buổi tập huấn các phần mềm, tập huấn ISO, truyền thông qua hệ thống đài truyền thanh của xã.

- Chỉ đạo ban biên tập Trang thông tin điện tử xã duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục CCHC, vận động sử dụng các kênh thông tin, truyền thông khác để tuyên truyền công tác CCHC. Trong năm 2023, Ủy ban ban nhân dân xã đã đăng tải 139, bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangtho.thuathienhue.gov.vn>). Ngoài ra, UBND xã còn thực hiện nhiều bài tuyên truyền về CCHC trên Fanpage “Công thông tin xã Quảng Thọ” trên mạng xã hội Facebook.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL)

- Trong năm 2023, việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

+ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

+ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2023.

- Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo bộ phận Tư pháp xã tiến hành rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, theo quy định của cấp trên. Đồng thời tiến hành gửi văn bản QPPL được ban hành tại xã đến phòng Tư pháp huyện tham mưu Chủ tịch UBND huyện kiểm tra theo quy định.

1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của đơn vị

- Nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và mang tính khả thi cao.

- Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND xã ban hành, đồng thời loại bỏ, điều chỉnh những quy định chồng chéo, không đúng thẩm quyền, không phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện VB QPPL tại đơn vị

a) Xây dựng và ban hành các VB QPPL:

Công tác xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn xã đã được triển khai, thực hiện theo quy định của Luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Quốc Hội về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định của pháp luật liên quan.

b) Rà soát VB QPPL:

UBND xã chỉ đạo Công chức Tư pháp-hộ tịch phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã để tiến hành rà soát các văn bản pháp luật của xã đã ban hành để sửa đổi, bổ sung đảm bảo đúng nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các VB QPPL:

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật luôn được chú trọng và triển khai thực hiện một cách thường xuyên.

- UBND xã đã tự kiểm tra, rà soát 02 văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và không phát hiện sai sót trong quá trình soạn thảo, ban hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Về kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền

Việc kiểm soát các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền

giải quyết của UBND xã được thực hiện thường xuyên, liên tục. Cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính cập nhật kịp thời những văn bản mới liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

2.2. Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

- Thực hiện chương trình công tác năm 2023 và Kế hoạch của UBND huyện về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023. UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 17/01/2023 về kiểm soát TTHC năm 2023; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 18/01/2023 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 18/01/2023 về kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2023 trên địa bàn xã. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các nội dung năm trong kế hoạch theo đúng tiến độ và thời gian đề ra.

- Trong năm 2023, UBND xã không tiếp nhận kiến nghị, phản ánh nào của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, quy định hành chính.

2.3. Về công khai TTHC

- Tiến hành niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã trên trang thông tin điện tử xã, niêm yết tại nơi giải quyết TTHC, đồng thời khuyến khích tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; cập nhật, cấu hình điện tử các TTHC trên phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung; chỉ đạo đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thông qua phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung, công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí, lập các biểu bảng, sổ theo dõi để cập nhật, bổ sung việc công khai các danh mục TTHC mới đảm bảo việc giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh.

- Việc niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và Trang Thông tin điện tử xã được thực hiện đầy đủ, bảng niêm yết rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, công dân đến giao dịch thủ tục hành chính.

- UBND xã đã vận dụng sáng tạo giải pháp hỗ trợ niêm yết, tra cứu thông tin TTHC và nộp hồ sơ trực tuyến bằng mã QR Code. Theo đó từ 10/5/2022, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại UBND xã Quảng Thọ đã đưa vào hoạt động bảng niêm yết gồm 32 mã QR Code tương ứng với 130 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên tất cả các lĩnh vực nhằm hỗ trợ tổ chức, người dân đăng nhập, tra cứu và thực hiện các TTHC. Quảng Thọ là địa phương cấp xã đầu tiên của tỉnh áp dụng cách làm sáng tạo nhằm thực hiện hiệu quả chương trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

- Hàng năm, thông qua rà soát, thống kê cán bộ, công chức. UBND xã phân công cán bộ, công chức phù hợp chuyên môn trên cơ sở số biên chế được giao.

* Về tình hình thực hiện biên chế được giao tại đơn vị:

- Tổng số biên chế được giao: 20 người

- Số biên chế có mặt: 20 người; số biên chế tiết kiệm: 00 người

- Ngay từ đầu năm, UBND xã thông qua các hội nghị, các cuộc họp đã quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức về quy chế làm việc của đơn vị để cán bộ, công chức nắm rõ và thực hiện theo đúng quy chế.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 16/01/2023 về kiểm tra cải cách hành chính năm 2023, thời gian và nội dung kiểm tra: Thời gian kiểm tra công tác cải cách hành chính từ tháng 3/2023 đến thời điểm kiểm tra. Theo đó, UBND xã đã tiến hành kiểm tra đối với 09 CBCC thuộc UBND xã, qua kiểm tra đã phát hiện một số tồn tại, hạn chế và yêu cầu khắc phục, bổ sung kịp thời.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 16/01/2023 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra. Trong năm 2023, UBND xã đã thực hiện 02 đợt kiểm tra nhằm chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính trong cơ quan xã, cơ bản cán bộ, công chức cơ quan thực hiện nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật hành chính.

3.3. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- UBND xã chỉ đạo Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tổ chức thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án Xây dựng Bộ phận Tiếp

nhận và trả kết quả hiện đại của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cùng các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- UBND xã tổ chức quán triệt, thực hiện tốt các quy định, quy chế của cấp trên trong liên thông TTHC. Tạo sự đồng thuận, thống nhất và có hiệu quả cao trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC liên thông.

- Cán bộ công chức làm việc tại Bộ phận TN&TKQ UBND xã thực hiện đầy đủ các quy định về niêm yết công khai, cập nhật kịp thời vào sổ theo dõi giải quyết hồ sơ, sử dụng đầy đủ các loại phiếu trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC. Thực hiện số hóa hồ sơ TTHC và khảo sát mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC theo quy định.

- CBCC tại bộ phận có thái độ niềm nở, thân thiện với nhân dân, cư xử đúng mực, có ý thức kỷ luật tốt, tạo sự tin tưởng cho nhân dân khi đến thực hiện TTHC.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

4.1. Về cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức: 20 người. Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Đại học 20 người, chiếm tỷ lệ 100%.
- Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị 01 người, chiếm tỷ lệ 5%; Trung cấp lý luận chính trị 16 người, chiếm tỷ lệ 80%.

4.2. Về công tác quản lý cán bộ, công chức

- Tiến hành xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.

- Đổi mới việc đánh giá cán bộ, công chức một cách khoa học, dân chủ và khách quan, lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu trong đánh giá. Kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức quan liêu, tham nhũng, không hoàn thành nhiệm vụ, gây phiền hà những nhiều với công dân, tổ chức.

- Giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và tiến độ triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính; công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ và một số chỉ tiêu thi đua khác cho từng cán bộ, công chức làm cơ sở cho đánh giá cán bộ, công chức cuối năm.

4.3. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 27/01/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023, theo đó UBND xã cử cán bộ, công chức đi đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giải quyết

công việc. UBND xã đã cử 03 cán bộ, công chức tham gia học lớp Trung cấp Lý luận chính trị do Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tổ chức; cử trên 20 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

- Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao kiến thức kỹ năng như bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã về đánh giá nội bộ, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo, nghiệp vụ hộ tịch, nghiệp vụ truyền thanh, nghiệp vụ Tuyên giáo, nghiệp vụ công tác Mặt trận, nghiệp vụ công tác Hội Liên hiệp phụ nữ, nghiệp vụ công tác Hội Nông dân...: Trên 25 lượt người.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện cơ chế tự chủ theo nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. UBND xã thực hiện xây dựng dự toán ngân sách trình HĐND xã thông qua, bao gồm kinh phí hoạt động và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính, khối Đảng, Mặt Trận, các đoàn thể chính trị... đã giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức, hoạt động bộ máy, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đảm bảo chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ quan, đồng thời UBND xã luôn quan tâm đến chế độ, chính sách của cán bộ, công chức một cách công khai, minh bạch, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 30/12/2022 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng xã Quảng Thọ năm 2023.

- Năm 2023, tiếp tục thực hiện kế hoạch số 265/KH-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh về xây dựng mô hình “Xã Thông minh” và triển khai xây dựng xã nông thôn mới thông minh theo Quyết định số 969/QĐ-BNN-VPĐP ngày 16/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt danh mục mô hình thí điểm do Trung ương chỉ đạo thuộc Chương trình Chuyển

đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn thông minh giai đoạn 2021-2025. UBND xã đã ban hành Kế hoạch và triển khai xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh Quảng Thọ, kết quả cụ thể:

a) Triển khai Hoàn thiện chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số

Tiếp tục triển khai các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền số, hệ thống quản lý văn bản và điều hành với 100% văn bản đi, đến được tiếp nhận, xử lý trên phần mềm. 100% văn bản đi được ký số theo quy định. Hoạt động giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công tập trung với phương châm “Thân thiện - đơn giản - đúng hẹn” được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Thực hiện báo cáo số liên thông đến Văn phòng Chính phủ trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính cùng các hệ thống báo cáo khác của tỉnh theo yêu cầu. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các phần mềm, ứng dụng chuyên ngành phục vụ nhiệm vụ.

Tiếp tục vận hành có hiệu quả phòng giám sát, điều hành thông minh đã xây dựng, tiếp tục nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT tại xã, trang bị thêm thiết bị (máy vi tính, máy in, máy scan, camera, màn hình Led, nâng cấp các đường truyền...) Phục vụ hoạt động lãnh chỉ đạo của lãnh đạo UBND cũng như phục vụ nhiệm vụ của công chức chuyên môn.

Bước đầu được sự đầu tư của Sở Thông tin và Truyền thông, đưa vào hoạt động hệ thống đài truyền thanh thông minh, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

b) Xây dựng các Hệ thống thông tin, triển khai các nội dung phục vụ cho Xã hội số

Tiếp tục triển khai internet miễn phí tại các nhà văn hóa, điểm di tích trên địa bàn.

Phối hợp với Hợp tác xã Nông nghiệp số triển khai thiết bị quan trắc không khí (01 thiết bị); thiết bị đo lượng mưa (01 thiết bị); thiết bị đầu cuối thu nhận tín hiệu từ hệ thống quan trắc nước (01 thiết bị). Sau khi vận hành chính thức sẽ cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho người dân để có phương án phòng chống thiên tai trong mùa mưa bão.

Đã thành lập 8 Tổ công nghệ số cộng đồng và thực hiện đề án 06 (gọi chung là Tổ) với 73 thành viên. Tổ công nghệ số cộng đồng trong thời gian qua hoạt động hiệu quả, các thành viên Tổ công nghệ số hoạt động tích cực. Đến nay, Tổ công nghệ số cộng đồng và thực hiện Đề án 06 các thôn trên địa bàn xã đã triển khai tạo và cập nhật 2018 địa chỉ số, đạt tỉ lệ 100% địa chỉ số các hộ dân, trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn.

Tổ công nghệ số cộng đồng đã hỗ trợ, hướng dẫn người dân cài đặt các ứng dụng Hue-S và Ví điện tử; cài đặt, kích hoạt và sử dụng ứng dụng VneID mức độ 1 và mức độ 2, ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, đã cài đặt 6548/6971 nhân khẩu, đạt 93,93%; ứng dụng Bác sĩ cho mọi nhà, đã tạo tài khoản 4222/6225 nhân khẩu, đạt 67,82%; đã tiến hành phối hợp với đơn vị Viettel cài đặt chữ ký số cho MySign cho người dân trên địa bàn xã; đã hướng dẫn người dân nộp hồ sơ TTHC trực tuyến trên Hue-S...

c) Xây dựng mô hình Hợp tác xã số, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ số và từng bước triển khai một số dịch vụ cho Kinh tế số

Đã phối hợp với Hợp tác xã Nông nghiệp số triển khai giải pháp quản trị HTX thông minh, quản lý sản xuất, và hỗ trợ ra quyết định: Ứng dụng hệ thống quan trắc theo thời gian thực và hỗ trợ điều hành và quản lý sản xuất nông nghiệp. Cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc và máy in tem truy xuất nguồn gốc tại HTX Nông nghiệp Quảng Thọ II. Đến nay, HTX Nông nghiệp Quảng Thọ đã tiến hành in tem truy xuất cho 06 sản phẩm gồm: Trà rau má Quảng Thọ túi lọc + Tim sen Huế; Trà rau má Quảng Thọ sao khô; Bột Matcha rau má Quảng Thọ (Gói 100gram); Bột Matcha Rau má Quảng Thọ (hộp 50 gói * 1.2gram); Trà rau má Quảng Thọ túi lọc. . Hỗ trợ HTX đưa sản phẩm Trà rau má của HTX lên các sàn thương mại điện tử như: Shopee, Lazada, sàn kinh tế hợp tác...

Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt (toàn xã có 1.065/1959 hộ gia đình có tài khoản ngân hàng phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt hóa đơn điện, nước, truyền hình, internet... Trong đó có 615 tài khoản ViettelPay; 450 tài khoản các ngân hàng khác).

Quảng bá Du lịch của xã bằng công nghệ mô hình hoá 3D và AR (thực tại ảo tăng cường) gắn với quảng bá và thương mại sản phẩm đặc hữu địa phương: Đã phối hợp với Trung tâm CNTT tỉnh; Hợp tác xã Nông nghiệp số tiến hành quay, chụp 08 điểm trên địa bàn xã (khu di tích lịch sử, địa điểm du lịch, sản xuất) bằng công nghệ camera 360, 3D và AR (thực tại ảo tăng cường) nhằm quảng bá vẻ đẹp quê hương, phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn xã.

6.2 Tình hình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của UBND xã

Trên cơ sở Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND huyện Quảng Điền năm 2023. UBND xã Quảng Thọ đã tiến hành xây dựng, công bố, áp dụng duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. UBND

xã Quảng Thọ đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 về triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã Quảng Thọ năm 2023; Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc công bố và ban hành mục tiêu chất lượng năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 về triển khai thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ; Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 về phê duyệt Kế hoạch đánh giá chất lượng nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã năm 2023; Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo việc xây dựng, áp dụng và duy trì cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015” tại UBND xã Quảng Thọ; Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc bổ nhiệm đại diện lãnh đạo về chất lượng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Thọ; Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc kiện toàn Ban soạn thảo văn bản Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Thọ...

- Trên cơ sở các văn bản triển khai, ngày ngày 31 tháng 7 năm 2023, UBND xã tổ chức đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đang áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ năm 2023 và kết thúc đánh giá, UBND xã đã ban hành Báo cáo số 122/BC-UBND về tổng hợp kết quả đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đang áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ năm 2023.

- UBND xã đã ban hành Thông báo số 52/TB-UBND ngày 27/7/2023 về việc tổ chức họp xem xét của Lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đang áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ. Sau khi đánh giá nội bộ, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức họp xem xét của lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đang áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ. Kết thúc họp xem xét của lãnh đạo, UBND xã đã ban hành Biên bản họp xem xét của lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đang áp dụng tại UBND xã Quảng Thọ.

6.3. Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính

Năm 2023, UBND xã Quảng Thọ tiếp tục tranh thủ nguồn lực để trang cấp thêm trang thiết bị tại bộ phận TN&TKQ. Cơ sở vật chất của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ hiện tại gồm:

TT	Loại trang thiết bị, phần mềm CNTT	Số lượng	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng	65 m2	
2	Bàn, ghế ngồi chờ của tổ chức, công dân	25	
3	Bàn làm việc cho cán bộ, công chức	06	
4	Máy vi tính	06	
5	Tủ đựng hồ sơ	07	
6	Máy photocopy	01	
7	Máy in	06	
8	Điện thoại	01	
9	Fax	00	
10	Hộp thư góp ý	01	
11	Quạt mát (Quạt trần)	06	
12	Kiosk tra cứu thông tin	01	
13	Thiết bị đọc mã vạch	02	
14	Màn hình hiển thị kết quả giải quyết TTHC	01	
15	Camera quan sát	04	
16	Màn hình hiển thị Camera	01	
17	Máy cấp số thứ tự	01	
18	Hệ thống âm thanh gọi số	01	
19	Máy Scan	02	

7. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

- Công tác CCHC thường xuyên được Đảng ủy, HĐND xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt và đã mang lại những hiệu quả nhất định.

- Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn phụ trách cải cách hành chính tham mưu ban hành các báo cáo, kế hoạch cải cách hành chính theo quy định của cấp trên.

- Hàng tháng, thông qua cáo cuộc họp giao ban, Thường trực UBND xã đôn đốc, nhắc nhở cán bộ công chức thực hiện nhiệm các văn bản của cấp trên, của UBND xã về cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đáp ứng

yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính đã được Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đã đạt được những kết quả nhất định.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại UBND xã đã được lãnh đạo cơ quan quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sự đồng lòng, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách UBND xã trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- UBND xã đã tập trung nguồn lực đầu tư cho công tác CCHC, đến nay trụ sở mới của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND xã đã được đi vào hoạt động, trang thiết bị hiện đại hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu giải quyết TTHC của Nhân dân và việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức chuyên môn.

- Công tác niêm yết, tra cứu TTHC đã được UBND xã vận dụng bằng triển khai các mã QR Code tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND xã. Trong mỗi bộ QR Code sẽ gồm danh mục các TTHC thuộc từng lĩnh vực theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; với các nội dung gồm: Thông tin chung về TTHC; quy trình các bước thực hiện; thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết hồ sơ; yêu cầu của TTHC, căn cứ pháp lý; biểu mẫu (nếu có); mức phí hoặc lệ phí (nếu có), giúp người dân thuận tiện hơn trong tra cứu thông tin TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy công tác cải cách hành chính tại UBND xã vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Phần lớn dân số ở vùng nông thôn, chưa tiếp cận với công nghệ thông tin nên tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ 3, 4 còn thấp.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích còn thấp do người dân ở địa phương đa số khoảng cách từ nhà đến UBND xã gần nên thường đưa hồ sơ trực tiếp đến nộp, không sử dụng dịch vụ BCCI.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC, UBND xã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 như sau:

1. Ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2024, thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số CCHC và các chỉ số thành phần. Đẩy mạnh công tác tuyên

truyền CCHC, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh; hoàn thành đúng tiến độ việc xây dựng thí điểm mô hình “xã nông thôn mới thông minh”.

3. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, rà soát TTHC, kịp thời phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền bãi bỏ các loại giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết một số TTHC để cắt giảm các chi phí không cần thiết trong quá trình giải quyết TTHC của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến các quy định hành chính.

4. Phát huy năng lực, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành, quản lý và giải quyết công việc, đảm bảo giải quyết công việc thông suốt, kịp thời. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cấp trên để cử cán bộ, công chức tham gia các khoá học nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng tin học, tập huấn khai thác và sử dụng có hiệu quả các phần mềm được triển khai.

5. Tiếp tục triển khai quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi của công chức làm việc tại Bộ phận TN&TKQ trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn; thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nghiêm việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

6. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản, phát huy dân chủ, tiếp thu ý kiến của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành để loại bỏ những quy định không phù hợp, hết thời hạn hiệu lực, tránh chồng chéo và không đúng thẩm quyền.

7. Duy trì, triển khai và thực hiện tốt cải cách tài chính công, tiếp tục thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, xác định rõ vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đại diện lãnh đạo về chất lượng (QMR) trong việc

xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất. Hoàn thiện hệ thống văn bản của cơ quan trong việc chỉ đạo, điều hành.

9. Tiếp tục triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp theo hướng tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần.

10. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC; huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Có chế độ, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu trong lĩnh vực CCHC để kịp thời động viên, khích lệ và góp phần nâng cao chất lượng công tác CCHC của địa phương.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cấp trên hỗ trợ UBND xã triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND xã.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024 của UBND xã Quảng Thọ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TV Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Kim

Phụ lục
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC
TẠI UBND XÃ QUẢNG THỌ**

(Kèm theo Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 06/12/2023 của UBND xã Quảng Thọ)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			Các nhiệm vụ giao trong Kế hoạch CCHC của UBND huyện và các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 UBND xã đã đề ra 29 nhiệm vụ.
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	29	Đã hoàn thành 29/29 nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023.
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	35	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC	Cơ quan, đơn vị	02	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1.2.	Đảng ủy/HĐND xã/UBMTTQ Việt Nam xã/Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC của UBND xã	Cơ quan, đơn vị	02	01 Kế hoạch giám sát của Ban KTXH HĐND xã
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	03	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	03	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao		103	Trong năm UBND xã được giao 103 Ý kiến chỉ đạo, có 103/103 ý kiến chỉ đạo hoàn thành đúng hạn và trước hạn (chiếm tỷ lệ 100%)
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	103	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	103	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1714	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.6.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức		0	
1.6.1	Số PAKN đã giải quyết	Số PAKN	0	
1.6.2	Số PAKN chưa giải quyết		0	
1.7	Kế hoạch tuyên truyền CCHC		1	
1.7.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
1.7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	
1.7.3	Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện	Hình thức	4	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	2	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	2	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	2	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
2.6.	Xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL) và xử lý kết quả theo dõi THPL	Văn bản	1	Áp dụng đối với cấp xã
2.7.	Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL (<i>Thu thập thông tin về tình hình THPL; Kiểm tra tình hình THPL; Điều tra, khảo sát tình hình THPL</i>)	Văn bản	0	Áp dụng đối với cấp xã
3.	Cải cách thủ tục hành			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	chính			
3.1.	Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ		130	
3.1.1	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử		130	
3.1.2	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở		130	
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã		12	UBND xã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND xã hàng tháng theo quy định
3.2.	Thống kê TTHC		130	Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.2.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.2.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	222	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	92	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	130	
3.3.	Vận hành Cổng dịch vụ công			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				theo cấp quản lý
3.3.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		222	Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.4.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	03	
3.4.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	92	
3.4.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	130	
3.4.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	130	
3.5.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.5.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.5.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.5.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).			
3.5.6.	Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm/Tổng số Hồ sơ cần thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC			
3.6.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.6.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	222	
3.6.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	222	
3.6.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	53	
3.6.4.	Số TTHC đã đồng bộ, cấu hình quy trình giải quyết	Thủ tục	222	
3.6.5.	Hồ sơ TTHC được số hóa vào phần mềm (đảm bảo cả đầu vào và đầu ra)		1714	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức		09	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	quy định			
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyên thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	UBND huyện bị kỷ luật.			
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>			
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị	1	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		961	
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		3040	
Trong đó	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và	%	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	song song với văn bản giấy			
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	81	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	53	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	56,1	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	43,8	